

## Lợi ích của nông dân trong đổi mới và phát triển đất nước

NGUYỄN DANH SƠN

*L*ợi ích của nông dân dường như không được chú ý đầy đủ trong thời gian qua. Trên nền tảng lý thực tiễn để làm sáng tỏ lý luận, tác giả chứng minh cần thay đổi cách nhìn nhận về nông dân với vai trò là “chủ đất”, thông qua chính sách “vốn hóa” đất để nông dân Việt Nam tham gia chủ động vào công cuộc phát triển đất nước bằng chính nguồn lực đích thực (đất đai, trí tuệ) của họ.

### Đặt vấn đề

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển bền vững đất nước.

Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa X) đã khẳng định, nông dân là chủ thể của sự phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn. Vấn đề nông dân là vấn đề cơ bản, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Họ vừa là mục tiêu, vừa là chủ thể của mọi sự phát triển ở nông thôn. Quá trình rút ngắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ thành công khi vấn đề nông dân được giải quyết tốt. Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một quốc gia nông nghiệp lạc hậu có nghĩa là phải bắt đầu từ nông dân và gắn với phát triển nông thôn và nông nghiệp; giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn và nông nghiệp. Trong số những vấn đề cần phải nhìn nhận, xem xét liên quan tới nông dân thì việc nhìn nhận họ (nông dân) là chủ thể phát triển và được hưởng lợi ích từ các thành quả của sự phát triển có ý nghĩa cả về lý luận và cả về thực tiễn lãnh đạo, quản lý.

Lợi ích, theo cách hiểu chung nhất, thường được hiểu là sự vừa ý, sự hài lòng đối với cái gì đó, điều gì đó<sup>1</sup>. Theo Từ điển triết học<sup>2</sup> thì lợi ích nói lên cái “cần thiết cho các nhân, gia đình, tập thể, giai cấp, dân tộc, xã hội nói chung”. Cơ sở của lợi ích là nhu cầu. Nhu cầu (sự mong muốn) được thỏa mãn hay đáp ứng được biểu hiện như là lợi ích và

là động cơ thúc đẩy hành vi của con người. Lợi ích của con người bao gồm 2 loại có quan hệ gắn bó mật thiết hữu cơ với nhau: lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần.

Lợi ích luôn gắn với các quan hệ kinh tế - xã hội nhất định và là biểu hiện của quan hệ kinh tế - xã hội nhất định. Ph. Ăng Ghen đã viết “Các quan hệ kinh tế của mỗi xã hội nhất định biểu hiện trước hết như là lợi ích”<sup>3</sup>. Lợi ích là sản phẩm của những điều kiện xã hội khách quan và phản ánh các điều kiện đó. Lợi ích mang tính chất lịch sử và tính chất giai cấp.

Ở Việt Nam, sự liên minh chính trị giữa 2 giai cấp cơ bản trong xã hội là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ sở cho sự thống nhất về lợi ích của 2 giai cấp này và đồng thời cũng là mối quan tâm hàng đầu của Đảng trong lãnh đạo công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Tuy vậy, trong quá trình phát triển đất nước, lợi ích như là sản phẩm của những điều kiện xã hội khách quan, trong sự thống nhất đó, có những nơi, những lúc, thậm chí có giai đoạn, lợi ích của

---

Nguyễn Danh Sơn, PGS. TS., Viện Nghiên cứu phát triển bền vững vùng Bắc Bộ.

1. Có thể tham khảo tài liệu: Giáo trình Kinh tế học vĩ mô, Nxb Giáo dục, H. 2000, tr 74.

2. Nguồn: Từ điển Triết học, Nxb Sự thật và Nxb Tiến bộ, H. 1986, tr 332.

3. Nguồn: Từ điển Kinh tế chính trị học, Nxb Sự thật và Nxb Tiến bộ, H. 1987, tr 255.

nông dân bị xem nhẹ, không cân xứng với những đóng góp của họ vào sự nghiệp phát triển và đổi mới chung của đất nước. Bài viết này trình bày một số suy nghĩ về lợi ích của nông dân trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước.

### 1. Chủ trương, quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước ta liên quan tới lợi ích của nông dân

Nếu lấy mốc quyết định đánh dấu chính thức công cuộc đổi mới toàn diện đất nước (từ tư duy cho đến chỉ đạo, hành động thực tế) là Đại Hội VI của Đảng (tháng 12/1986) thì bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước những năm trước đó với những khó khăn và hệ lụy tiêu cực và nghiêm trọng về kinh tế, xã hội, trong đó cuộc sống của người dân, nhất là của nông dân và gia đình họ (dân số nông thôn lúc đó chiếm tới trên 80% dân số cả nước) trở nên khốn khó (thậm chí đã xảy ra nạn đói), nhìn từ giác độ đảm bảo cuộc sống - mối quan tâm hàng đầu của Đảng ta, đã thể hiện lợi ích cơ bản, lớn nhất của người dân là nhu cầu về ăn, mặc, ở đã không được đảm bảo. Những khó khăn và hệ lụy này có nguyên nhân bắt nguồn trước hết từ chủ trương, quan điểm và chính sách quản lý trước đó và việc rà soát, đánh giá toàn diện chủ trương, quan điểm và chính sách quản lý đã dẫn đến một quyết định lịch sử đúng đắn tại Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986) là đoạn tuyệt với tư duy và cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung bao cấp, chuyển sang tư duy mới và cơ chế quản lý mới dựa trên các quan hệ thị trường, quan hệ giá trị với sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thay đổi căn bản này cũng đánh dấu sự thay đổi căn bản về tư duy và cách thức hoạch định chính sách quản lý, trong đó có *thay đổi tư duy về lợi ích là chuyển từ lợi ích kinh tế của người dân được phân phối chủ yếu thông qua "bàn tay nhà nước" sang lợi ích kinh tế của người dân được đảm bảo chủ yếu bởi chính sức lực, tài năng của họ với sự hỗ trợ, tạo điều kiện sử dụng, phát huy sức lực, tài năng của mỗi người và của cộng đồng từ phía Nhà nước.*

Đối với vấn đề lợi ích của nông dân, trong quản lý nông nghiệp, nông thôn, trước Đại hội VI tư duy về thay đổi cách quản lý đã bắt đầu thể hiện và đánh dấu chính thức trong Chỉ thị số 100 ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư TƯ Đảng với nội dung chủ yếu là khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Nhìn từ giác độ lợi ích của nông dân là người lao động trực tiếp, sự thay đổi này có nghĩa là thay vì lợi ích được phân phối là lợi ích được "khoán". Cụ thể, lợi ích của người lao động (nông dân) được khoán theo mức khoán và quy định như sau:

- Phần thu trong mức khoán thì được hưởng theo công điểm trong phân phối của hợp tác xã;

- Phần thu vượt mức khoán thì được hưởng toàn bộ khối lượng sản phẩm vượt.

Như vậy, người lao động (nông dân) thay vì thụ động chờ phân phối lợi ích (thu nhập) thì nay đã có phân chủ động tạo ra lợi ích cho mình và được biết chắc trước là sẽ được hưởng trọn vẹn phần vượt mức khoán. Chính điều này đã tạo nên sức sống mới mang tính chất động lực thúc đẩy sự nhiệt tình lao động cũng như sự bổ sung thêm nguồn lực (vốn, lao động, thời gian, ...) để vượt mức khoán. Đồng thời với thay đổi này là những thay đổi trong sự hỗ trợ của Nhà nước cũng như của HTX đối với nông dân. Đó là:

#### a) Từ phía Nhà nước:

- + Chính sách ruộng đất đã được điều chỉnh là giao khoán cụ thể diện tích ruộng cho nhóm và người lao động trong thời gian nhất định (3 đến 5 vụ);

- + Chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực trong 5 năm đối với các HTX và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, nâng giá thu mua nông sản, xóa bỏ nghĩa vụ bán thực phẩm giá thấp;

- + Chỉ tiêu kế hoạch giao cho HTX giảm hẳn, chỉ còn có 2 chỉ tiêu là thuế nông nghiệp và sản phẩm phải bán cho Nhà nước theo hợp đồng với các điều kiện vật chất đi kèm (như vật tư, năng lượng, giá cả, ...);

- + Các chính sách khác như khuyến khích

## Lợi ích của nông dân ...

phát triển kinh tế gia đình, khuyến khích phát triển chăn nuôi, khuyến khích phát triển thủy sản, giao đất giao rừng cho HTX sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung ứng các tư liệu sản xuất đúng số lượng và địa điểm cho nông dân, xóa bỏ dần tình trạng cát cứ, ngăn sông, cấm chợ, ...

- Từ phía tổ chức kinh tế (là HTX), HTX được yêu cầu:

+ Tập trung vào các hoạt động dịch vụ mà xã viên khó thực hiện như làm đất, thủy lợi,

giống, bảo vệ thực vật, phân bón, ...

+ Sắp xếp, tổ chức lại hoạt động quản lý HTX cho phù hợp với chế độ khoán và những thay đổi chính sách của Nhà nước đối với nông nghiệp và nông dân.

Những thay đổi bước đầu này là rất quan trọng và đã đem lại những kết quả tích cực và rõ rệt. Bảng 1 cho thấy tác động tích cực và rõ rệt này trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 1981-1985 so với giai đoạn trước đó (1976-1980).

**BẢNG 1: Kết quả tăng trưởng sản xuất nông nghiệp giai đoạn 1981 - 1985 so với giai đoạn 1976 - 1980**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	1976 - 1980	1981 - 1985
1	Tốc độ tăng giá trị sản lượng nông nghiệp	%	1,9	4,9
	Trong đó: trồng trọt	%	1,7	4,2
2	Tổng sản lượng lương thực 5 năm	Triệu tấn	66,8	85,1
3	Lương thực/người	kg/người	268	304
4	DT cây công nghiệp	Vạn ha	63(1980)	107 (1985)
5	Đàn lợn	Triệu con	9,1	11,3
6	Đàn bò	Triệu con	1,6	2,18
7	Giá trị xuất khẩu nông-lâm-ngư	Triệu rúp/USD/năm	112	259

*Nguồn:* Nguyễn Văn Bích và Chu Tiến Quang, Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Nxb Sự thật, H. 1996, tr 68.

Tuy vậy, tác động tích cực nói trên phát huy không được lâu, từ năm 1986 tác động này đã suy giảm rõ rệt, cụ thể là tốc độ tăng tổng giá trị sản lượng nông nghiệp năm 1987 so với năm 1986 đã giảm 0,4%, riêng giá trị sản lượng trồng trọt giảm 2,4%, sản lượng lương thực giảm 4,6% làm cho sản lượng lương thực trên đầu người giảm từ 304 kg xuống còn 280 kg, trong khi dân số tăng cao (riêng nhân khẩu nông nghiệp tăng 1,8 triệu người). Kết quả là đã xảy ra tình trạng thiếu lương thực nghiêm trọng vào cuối năm 1987. Người nông dân trở nên kém nhiệt tình, hăng hái lao động, không còn như trước nữa. Nhiều nơi nông dân trả lại ruộng cho HTX, tình trạng khô đọng sản phẩm tăng lên, ... mặc dù sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước không giảm, mà trái lại còn tăng lên: tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp cho nông, lâm nghiệp so với tổng vốn xây dựng cơ bản của Nhà nước trong toàn nền kinh tế tăng 24,5% năm 1986, 20% năm 2087 và 27,7% năm 1988.

Nguyên nhân chủ yếu của sự suy giảm này cũng phần nhiều từ những hạn chế trong cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp và gián tiếp tác động tới lợi ích của người lao động (nông dân).

Cơ chế khoán với sự phân công lao động giữa HTX (đảm nhận 5 khâu công việc) và nông dân (đảm nhận các khâu còn lại) không được tôn trọng và đảm bảo, thậm chí còn không được thực hiện (trong thực tế được gọi là khoán trắng) nhưng người nông dân vẫn phải trả phí cho các khâu lễ ra HTX phải đảm nhiệm, đảm bảo. Thêm vào đó, sự rong công phóng điểm trong phân khoán (tốc độ tăng số lượng công điểm đưa vào phân phối tăng nhanh hơn tốc độ tăng sản lượng lương thực) cùng với mức khoán hàng năm được điều chỉnh theo xu hướng tăng lên, trong khi sự hỗ trợ của HTX giảm đi đã trực tiếp "đánh" vào phần vượt khoán, lấy đi một cách vô lý sản lượng vượt khoán còn ít ỏi (trong điều kiện lúc đó, theo ước tính của các

chuyên gia kinh tế nông nghiệp<sup>4</sup>, chỉ vào khoảng 10-20% so với lượng sản phẩm làm ra) của người nông dân, làm cho họ cảm thấy lợi ích của mình không những bị xâm hại mà còn được dùng để phục vụ cho lợi ích của những “kẻ ăn bám”, họ trực tiếp nhìn thấy hàng ngày mà không kêu được. Động lực trực tiếp đối với người lao động (nông dân) là phần vượt khoán giảm đi cùng với sự teo đi của phần vượt khoán đến mức gần như không còn gì đã dẫn tới sự phản ứng tự nhiên và hệ quả tất yếu như đã nói ở trên là người nông dân trở nên kém nhiệt tình, hăng hái lao động, trả lại ruộng cho HTX, kê đọng sản phẩm giao nộp, ...

Về phía chính sách của Nhà nước cũng bỏ quên những hạn chế cơ bản, liên quan trực tiếp nhất tới lợi ích của nông dân là chính sách ruộng đất. Diện tích giao khoán ít (khoảng 2 - 3 sào/lao động), mang tính chất bình quân cộng với thời gian giao khoán ngắn (3 đến 5 vụ) không tạo nền tảng cho sự đầu tư dài hạn và cơ bản cho sự tăng năng suất vượt mức khoán. Đồng thời, đối tượng được giao khoán ruộng mới chỉ là xã viên HTX chứ chưa phải là hộ gia đình nông dân (kinh tế hộ cho đến Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị ngày 5/4/1988 vẫn chưa được công nhận), thậm chí thời gian này còn có tư tưởng ngăn cấm kinh tế gia đình, lo sợ kinh tế hộ gia đình lấn át kinh tế HTX, lo sợ xã viên HTX “chân ngoài dài hơn chân trong”.

Như vậy, dưới giác độ lợi ích kinh tế, có thể nói khoán 100 (gọi theo số của Chỉ thị của Ban Bí thư TƯ Đảng về cơ chế khoán) đã tạo điều kiện (và tạo động lực) cho người lao động (nông dân) quan tâm tới lợi ích của mình và do chính mình tạo ra là phần vượt khoán, và cũng chính những hạn chế trong chính sách và thực hiện chính sách tạo động lực này là nguyên nhân thể hiện hạn chế về quan điểm tạo động lực (lợi ích) đối với nông dân mà Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (ban hành tháng 4-1988) đã trực tiếp tháo gỡ và tạo nên sức sống mới cho cơ chế khoán (được gọi là khoán 10 để phân biệt với khoán 100 trước đó). Trên cơ sở tư duy quản lý mới đã

được Đại hội VI của Đảng (năm 1986) khẳng định, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết mang tính chỉ đạo, định hướng cho công việc đổi mới cơ chế, chính sách quản lý đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân, trong đó đáng chú ý nhất là các nghị quyết sau:

– Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI, ban hành tháng 4-1988) về “Đổi mới quản lý nông nghiệp”;

– Nghị quyết 05 của Ban CH TƯ Đảng (khóa VII, ban hành tháng 6-1993) về “Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn”;

– Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị (khóa VIII, ban hành năm 1998) về “Một số vấn đề nông nghiệp, nông thôn”;

– Nghị quyết 05 của Ban CH TƯ Đảng (khóa IX, ban hành tháng 6-2003) về “Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010”;

– Nghị quyết 26 của Ban CH TƯ Đảng (khóa X, ban hành tháng 6-2008) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

Tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt trong các nghị quyết của Đảng nêu trên đối với lợi ích của nông dân là tạo điều kiện cho việc thực hiện, thỏa mãn ngày càng tốt hơn, nhiều hơn các nhu cầu ngày càng tăng, càng phong phú và đa dạng của nông dân và gia đình họ. Các điều kiện được yêu cầu tạo ra và hướng tới từ khoán 100 cho đến nay có thể chia làm 2 loại: (i) gỡ bỏ, giải phóng mọi ràng buộc phi lý do cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp tạo ra kim hãm, trói buộc hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự năng động sáng tạo của nông dân và (ii) tăng cường sự hỗ trợ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của nông dân.

Những thành tựu to lớn, nổi bật trong nông nghiệp, nông thôn từ khi đổi mới đến nay được nhận định là đã tạo ra và thực hiện được các điều kiện như vậy, trong đó nổi bật

4. Thí dụ như tỷ lệ này của PGS. TS. Nguyễn Đình Long nêu tại bài viết trong cuốn sách “Đầu tư phát triển kinh tế hộ”. Nxb. Lao động, H. 2006, tr 98.

nhất là các chính sách cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo tại Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư TƯ Đảng (ban hành năm 1981) và Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị (ban hành năm 1988) được coi là các “cột mốc” quan trọng đối với việc tạo động lực kích thích trực tiếp và to lớn tới nông dân và lợi ích của họ. Nhưng đồng thời cũng chính những hạn chế, thiếu hụt trong các chính sách tạo điều kiện như vậy đã là nguyên nhân quan trọng, trực tiếp làm giảm, thậm chí làm triệt tiêu động lực kích thích đối với nông dân. Nghị quyết số 26 của Ban CH TƯ Đảng (khoá X) gần đây nhất (ban hành tháng 6-2008) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã nêu các hạn chế yếu kém và các nguyên nhân, trong đó có yếu kém về sự thấp kém về đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, sự thiếu hụt, bất cập của cơ chế, chính sách đối với nông dân.

## **2. Những vấn đề đặt ra và hướng thay đổi, điều chỉnh chính sách liên quan tới lợi ích của nông dân**

*a) Nhận thức về vị trí, vai trò của nông dân còn chưa thật rõ ràng, cụ thể dẫn đến việc cụ thể hóa trong chính sách có những thiếu hụt làm ảnh hưởng tới lợi ích của nông dân*

Nghị quyết số 26 của BCH TƯ Đảng (khoá X) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã nêu vấn đề này như một thiếu hụt trong nhận thức chung về nông nghiệp, nông thôn và nông dân trên cơ sở nhận định rằng nhận thức hiện nay về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn và nông dân còn bất cập so với thực tiễn.

Sự bất cập so với thực tiễn trong nhận thức về vị trí, vai trò của nông dân cũng chính là nguyên nhân của sự mờ nhạt trong hoạch định cơ chế, chính sách cụ thể liên quan tới lợi ích của nông dân. Cơ chế, chính sách hiện hành còn chưa thể hiện nhận thức đúng và đủ tầm về vị trí của người nông dân với tư cách là chủ thể của mọi hoạt động đổi mới và phát triển ở nông thôn với *cốt lõi là lợi ích* của người nông dân và gia đình họ. Biểu hiện của thiếu hụt này thể hiện ở ngay chính

sự phản ánh, sự thể hiện trực diện lợi ích của nông dân trong các chính sách còn ít được chú ý.

Nếu như rà soát lại các nội dung cụ thể trong các chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn từ sau đổi mới đến nay có thể thấy rõ 2 điều: *một là*, các nội dung cụ thể này tập trung nhiều vào nông nghiệp, tiếp theo đến nông thôn, còn đối với nông dân thì ít hơn nhiều. Nếu xét theo thuật ngữ chỉ chủ thể (đối tượng) mà các chính sách phát triển cụ thể nhằm vào thì bức tranh cũng tương tự: tần suất xuất hiện trong các văn bản chính sách cũng cao nhất ở nông nghiệp, tiếp theo đến nông thôn, còn nông dân thì ít hơn nhiều. Nhìn từ chiều cạnh quan hệ kinh tế - xã hội, người nông dân, hay nói rộng hơn là người dân ở khu vực nông thôn, cho đến nay còn được thụ hưởng ít hơn những thành quả của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước so với người dân thành thị, thậm chí ở nhiều nơi người nông dân còn phải (buộc phải) hy sinh sự thụ hưởng và lợi ích của chính họ cho quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa được đẩy mạnh một cách thiếu định hướng rõ ràng, thiếu quy hoạch và quản lý tốt với một tầm nhìn chiến lược phát triển theo hướng bền vững.

Lẽ đương nhiên, cũng có thể biện luận rằng chính sách phát triển nhằm vào phát triển nông nghiệp, nông thôn cũng là cho nông dân vì mọi chính sách phát triển của ta đều nhằm mục đích vì con người. Tuy vậy, sự biện luận này lãng quên một điều là các thành quả phát triển nông nghiệp, nông thôn cần có những “chiếc cầu” dẫn trực tiếp đến nông dân. Thực tế cũng chứng tỏ rằng những “chiếc cầu” như vậy còn quá ít, trong khi lại xuất hiện những “chiếc cầu” cả hữu hình, cả vô hình dẫn tới các đối tượng khác không phải là nông dân. Đó cũng là nguyên nhân quan trọng của những nhận định, nhận xét của khá nhiều chuyên gia khoa học, quản lý, các nhà hoạt động xã hội và cả bản thân nông dân là: nông dân hiện nay là người chịu nhiều thiệt thòi trong thụ hưởng các thành quả phát triển và đổi mới, hy sinh nhiều hơn

lợi ích của mình cho các hoạt động đổi mới và phát triển<sup>5</sup>. Tình trạng phổ biến ở nhiều nơi đất canh tác của nông dân bị thu hồi cho các khu công nghiệp, khu sân golf, đô thị, ... hay tình trạng ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí gia tăng từ các hoạt động phát triển công nghiệp ảnh hưởng trực tiếp và ngày càng nhiều tới thu nhập, sức khỏe, đời sống, thậm chí cả di lại, đang trở thành mối bức xúc hàng ngày của nông dân, dẫn tới sự gia tăng ngày càng nhiều các khiếu kiện kéo dài triển miên nhiều năm qua. Theo số liệu của các cơ quan nhà nước hữu quan (Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT) thì trong thời gian 5 năm qua (2001 - 2005) có tới 4% (gần 400 nghìn ha) diện tích đất nông nghiệp đang canh tác của nông dân đã bị thu hồi cho các mục tiêu khác (công nghiệp, dịch vụ, đô thị, ...) làm ảnh hưởng tới đời sống của gần 630 nghìn hộ gia đình với khoảng 2,5 triệu người dân và gần 10 nghìn lao động nông nghiệp. Cũng theo số liệu của các cơ quan nhà nước nói trên<sup>6</sup>, thu nhập của các hộ bị thu hồi đất giảm hơn một nửa (53%). Số lượng gia tăng các khiếu kiện kéo dài triển miên nhiều năm qua là một chỉ báo quan trọng và khá đầy đủ về sự xâm phạm lợi ích nghiêm trọng của nông dân.

Thực trạng nêu trên phản ánh nhận thức về nông dân và lợi ích của nông dân là còn chưa thật rõ ràng và cụ thể, thậm chí ngay cả phương châm chỉ đạo trong các văn kiện nghị quyết của Đảng các cấp cũng chỉ tập trung vào "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" mà còn thiếu một khía cạnh quan trọng phản ánh sự chưa rõ ràng và cụ thể trong nhận thức chung về lợi ích của nông dân là "dân hưởng".

*b) Việc thực hiện chính sách với những thiếu hụt được khuyến đại nhiều bởi những yếu kém của bộ máy quản lý ở nông thôn làm cho lợi ích của nông dân ngày càng bị xâm hại*

Sự khuyến đại này thể hiện ở nhiều khía cạnh trong tổ chức thực hiện, từ bắt nông dân phải đóng góp thêm các khoản (tiền, công lao động) từ phần thu nhập vốn ít ỏi (thí dụ như các khoản đóng góp do xã, HTX, thôn,

làng tự quy định ngoài nghĩa vụ đóng góp theo pháp luật), cho đến bớt xén những lợi ích được Nhà nước dành trực tiếp cho nông dân, thậm chí cả những nông dân thuộc diện nghèo. Các biểu hiện đa khía cạnh này đã được các phương tiện truyền thông đại chúng phản ánh rất nhiều.

Về vật chất, sự đóng góp bắt buộc nhiều so với khả năng của nông dân, thậm chí còn có những khoản đóng góp này được thừa nhận là vô lý (thí dụ như các đóng góp kiểu "lệ làng") đối với nông dân là biểu hiện sự xâm phạm, làm tổn hại tới lợi ích của nông dân. Theo các thông tin phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng và ngay cả trong báo cáo gần đây (tháng 6-2008) của Bộ NN&PTNT về nông nghiệp, nông thôn và nông dân cũng nhận định rằng trong nhiều năm qua, nông dân đã phải đóng góp trực tiếp nhiều hơn, có trường hợp phải chịu thiệt thòi để đóng góp cho quá trình công nghiệp hóa. Các khoản đóng góp chồng nhau do các tổ chức khác nhau đã bắt nông dân phải đóng góp từ nguồn thu nhập vốn còn nhỏ hẹp và không ổn định, không chắc chắn của họ đã không chỉ làm tăng gánh nặng kinh tế mà còn làm thu hẹp nhu cầu và khả năng thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của người nông dân. Ngoài các khoản đóng góp theo Pháp lệnh Phí và Lệ phí theo quy định, một hộ nông dân còn phải đóng góp thêm khoảng 30 khoản khác. Số liệu tổng hợp của Bộ NN&PTNT cho biết năm 2007, các khoản đóng góp của nông dân theo vùng dao động từ vài trăm nghìn đồng tới hơn 1 triệu đồng, trong đó thấp nhất là nông dân vùng miền núi Bắc Bộ (trung bình 396.408 đ/hộ) và cao nhất là nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trung bình 1.049.166 đ/hộ).

5. Các đối thoại trực tiếp mới nhất (tháng 3 và tháng 4-2009) do Đề tài nghiên cứu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Đề tài KX.04.10/06-10) với các nhà quản lý và hoạt động xã hội ở một số địa phương (Ninh Bình, Thanh Hóa, ...) cũng đều có ý kiến nhận định tương tự.

6. Nguồn: Đề án "Văn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn" do Bộ NN&PTNT soạn thảo, tháng 6-2008.

Hầu hết các nhu cầu cơ bản của nông dân (ăn, ở, mặc, đi lại, học hành, chữa bệnh) được thỏa mãn còn ở mức thấp xa so với cư dân thành thị và trong nhiều năm qua có xu hướng ngày càng doãng xa. Điều rất đáng quan tâm là nếu so với các thành quả, thành tựu chung của công cuộc đổi mới đất nước đem lại thì người nông dân được thụ hưởng không chỉ ít hơn nhiều mà còn có xu hướng ngày càng ít đi, thậm chí ở khá nhiều nơi người nông dân còn bị buộc phải hy sinh cả lợi ích cơ bản hiện có của mình mà không được đền bù, bù đắp thỏa đáng (như tình trạng thu hồi đất, phải di dời khỏi nơi sinh sống, lao động hay buộc phải chấp nhận không gian sống, lao động bị ô nhiễm môi trường, ...). Tình trạng ở rất nhiều vùng nông thôn (thôn, làng) hiện nay chủ yếu chỉ còn người già, trẻ em và phụ nữ lao động và sinh sống thường xuyên là hiện tượng rất đáng báo động và là chỉ báo xã hội quan trọng về nhu cầu cơ bản của nông dân không được đáp ứng, thỏa mãn ở chính nơi mình sinh sống, buộc phải đi tìm điều kiện thỏa mãn ở nơi khác, không/rất ít liên quan đến nghề nông. Vấn đề này cần được quan tâm bởi lẽ tình trạng này có mối liên hệ (và là hệ quả) trực tiếp của các quá trình khác diễn ra mạnh mẽ, với tốc độ cao, ở bên ngoài nông thôn, nhưng lại phải dựa vào không gian của nông thôn (đất đai, môi trường) để phát triển, dẫn đến những tác động mạnh mẽ và trong bối cảnh quá trình này được quản lý không tốt đã tác động rất tiêu cực, gây hậu quả xấu cho cả không gian của nông thôn và cả nông dân. Đó là quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

Về lợi ích tinh thần, sự nghèo nàn trong đời sống và sinh hoạt văn hóa, giáo dục ở nông thôn cũng cho thấy nhu cầu phi vật chất, tinh thần của nông dân hiện còn ít được chú ý bảo đảm. Cho đến nay, mới có khoảng 50% dân cư nông thôn có bảo hiểm y tế, chưa tới 70% hộ nông thôn có báo đọc, một tỷ lệ ít ỏi (một vài chục phần trăm) số xã có thư viện, nhà văn hóa, ... Với thu nhập trung bình một năm hiện nay của một nhân khẩu ở

nông thôn chỉ vào khoảng 500 nghìn đồng (số liệu năm 2006)<sup>7</sup> thì khả năng chi trả của nông dân cho các nhu cầu này là rất hạn chế và điều này cũng có nghĩa là nông dân hiện đang phải hy sinh thỏa mãn nhu cầu phi vật chất cho nhu cầu vật chất cấp bách của bản thân và gia đình.

*c) Sự tham gia và tác động của nông dân (và các tổ chức đại diện quyền lợi của họ) trong các quyết định về phát triển liên quan đến họ còn ít và yếu.*

Trong vấn đề đề cập này, nông dân ở đây được hiểu theo 2 nghĩa: nông dân với tư cách là người lao động, là công dân và nông dân với tư cách là giai cấp lớn nhất trong xã hội. Các kết quả nghiên cứu và điều tra khảo sát xã hội học về nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam của các tổ chức trong nước và quốc tế cũng như của chúng tôi (Đề tài nhà nước KX.04.10/06-10) đều có chung nhận định rằng tiếng nói của nông dân, nhất là của nông dân nghèo còn ít được lắng nghe trong thiết kế, hoạch định, càng ít được quan tâm hơn trong theo dõi, giám sát thực hiện chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển. Vai trò và chức năng phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội và nghề nghiệp có liên quan trực tiếp và nhiều tới đời sống chính trị, kinh tế - xã hội của nông dân (như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, ...) còn ít được phát huy và tạo điều kiện đóng góp. Tiếng nói của các tổ chức chính trị - xã hội này, nhất là của Hội Nông dân được coi là đại diện cho lợi ích của nông dân và giai cấp nông dân cũng yếu và ít rõ rệt hơn trong hoạch định chính sách so với tiếng nói của tổ chức đại diện cho lợi ích của công nhân và giai cấp công nhân là Công đoàn. Trong các cuộc tiếp xúc trao đổi gần đây nhất của Đề tài KX.04.10/06-10 với tổ chức Hội Nông dân ở địa phương, có nhiều ý kiến về sự thiếu hụt hiện nay về cơ sở pháp lý cho hoạt động và tiếng nói của nông dân trong xã hội, trước hết là Luật Nông dân, tương tự như Luật Công

---

7. Số liệu của Bộ NN&PTNT.

đoàn hiện nay. BCH TƯ Đảng cũng đã có Nghị quyết về giai cấp công nhân (NQ HN TƯ 7, khóa X) nhưng còn chưa có một nghị quyết tương tự về giai cấp nông dân. Sự thiếu hụt này cũng phản ánh sự thiếu hụt trong nhận thức lãnh đạo và quản lý chung thời gian qua về vị trí, vai trò của nông dân như một giai cấp, một lực lượng xã hội quan trọng như Nghị quyết HN BCH TƯ 7 (khóa X) vừa qua đã chỉ ra.

Cho đến nay, trong các quy định về thiết kế, hoạch định và theo dõi, giám sát thực hiện chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển nói chung và về nông nghiệp, nông thôn nói riêng, tuy có yêu cầu về sự tham gia cộng đồng (trong đó có nông dân), nhưng do nhiều lý do cả chủ quan (nhận thức, ý thức, trình độ, ...) cả khách quan (điều kiện, bối cảnh, sự gấp gáp, ...) mà yêu cầu này ít được tuân thủ và thực hiện còn yếu, thậm chí khá nhiều trường hợp còn bị bỏ qua. Cũng lưu ý rằng, hiện tại khi phê duyệt chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển mới chỉ có yêu cầu bắt buộc tham khảo ý kiến của cộng đồng về mặt môi trường thể hiện bằng văn bản chứng minh đã tham khảo, còn về mặt kinh tế và xã hội thì chưa có yêu cầu bắt buộc tương tự. Ngay cả trong thực hiện yêu cầu bắt buộc tham khảo ý kiến của cộng đồng về mặt môi trường (đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường) thì sự sơ sài, chiếu lệ cũng được các nhà quản lý của Bộ TN&MT ghi nhận như một thực tế yếu kém cần được sớm khắc phục.

Cách thức xây dựng và thực hiện các dự án phát triển ở nông thôn nói chung hiện nay, nhất là đối với vùng nghèo và đối tượng nông dân nghèo cũng phản ánh nhận định về sự tham gia và tác động của nông dân (và các tổ chức đại diện quyền lợi của họ) trong các quyết định về phát triển còn ít và yếu. Đó là cách tiếp cận từ trên xuống, cụ thể là Nhà nước có quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án được thiết kế và bố trí nguồn lực cần thiết sẵn và đưa xuống để thực hiện. Cách tiếp cận, cách làm này, bên cạnh mặt tích cực

là nhanh chóng đưa lại kết quả rõ rệt, cải thiện ngay tình hình, nhưng lại kém bền vững, trong đó có nguyên nhân cơ bản là người thụ hưởng (nông dân) chỉ có vai trò thụ động tiếp nhận, không thật sát với nhu cầu và lợi ích của họ, thậm chí đã xảy ra nhiều trường hợp sự tiếp nhận đó còn bị bớt xén đi nhiều. Sự thiếu hụt này hiện đã được nhìn nhận là cần phải được sớm khắc phục và chuyển sang cách tiếp cận mới khác nhằm tôn trọng và đảm bảo lợi ích và tăng cường sự thụ hưởng đích thực của nông dân. Bộ NN&PTNT hiện đang chủ trương xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn theo cách tiếp cận từ dưới lên, trước hết là xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của nông dân.

*d) Sự yếu kém về các điều kiện cho thỏa mãn nhu cầu của nông dân đang làm yếu đi cơ sở cho việc đảm bảo thực hiện lợi ích và tăng cường sự thụ hưởng đích thực của nông dân.*

Điều kiện sản xuất, kinh doanh, điều kiện sống của nông dân trong những năm qua được cải thiện chưa tương xứng với những đóng góp, những tiến bộ, thành tựu của công cuộc đổi mới và phát triển, thậm chí ở nhiều nơi khoảng cách về mức sống, điều kiện sống, điều kiện sản xuất kinh doanh của nông dân có xu hướng ngày càng đoãng xa so với của thị dân. Sự chưa tương xứng này thể hiện ngay ở các thiếu hụt về các điều kiện cơ bản sau<sup>8</sup>:

- Thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt: cho đến nay vẫn còn khoảng 17% diện tích lúa, 50% diện tích cà phê, 80% diện tích rau màu chưa được tưới tiêu chủ động; mới có gần 20% kênh mương được kiên cố hóa; khoảng 70% dân cư nông thôn có nước sạch để dùng.

- Rủi ro cao về thị trường (nhất là đối với đầu vào của sản xuất và tiêu thụ sản phẩm), về thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, ...

8. Số liệu được dẫn là của Bộ NN&PTNT.

▪ Tỷ lệ hộ đói nghèo cao: ở nông thôn tỷ lệ này là 18% và nguy cơ tái nghèo được đánh giá là rất cao. Thiếu ăn vẫn còn là tình trạng phổ biến đối với nhiều hộ nông dân ở nhiều nơi.

▪ Tỷ lệ hộ nông thôn ở nhà đơn sơ còn nhiều: chung cho khu vực nông thôn, tỷ lệ này là khoảng 26%, cao nhất là ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (60%) và vùng Tây Bắc (40%).

▪ Điều kiện sinh hoạt thấp: ở khu vực nông thôn mới chỉ có 1/3 số hộ (33%) có nhà xí hợp vệ sinh, 12% xã có công trình thoát nước, chưa tới 30% xã có tổ chức thu gom rác thải.

▪ Điều kiện chăm sóc sức khỏe và giáo dục ở nông thôn còn thấp xa so với ở đô thị: mới chỉ có chưa tới một nửa (46%) số xã có dịch vụ y tế đạt chuẩn quốc gia và có tới hơn 80% số xã hiện vẫn chưa có nhà trẻ, mẫu giáo.

▪ Điều kiện vui chơi, giải trí phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần ở nông thôn còn rất hạn chế: rất ít xã có sân vận động, nơi luyện tập thể dục thể thao, thư viện, ...

▪ Điều kiện đi lại có chất lượng thấp: đa số các đường nông thôn có bề rộng mặt đường nhỏ, nền yếu. Có tới gần 300 xã còn chưa có đường ô tô đến khu trung tâm.

▪ Điều kiện thị trường phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hóa của nông dân còn rất thiếu thốn: còn trên 40% số xã chưa có chợ, mới chỉ có khoảng hơn 10% xã có ngân hàng trên địa bàn.

Cùng với những điều kiện cơ bản yếu kém như đã nêu trên, còn có một điểm nữa cần được lưu ý là nông dân hiện nay có ít hơn nhiều so với cư dân thành thị các cơ hội tiếp cận với các công việc, sản phẩm hay dịch vụ có giá trị gia tăng cao, bởi lẽ trình độ học vấn và đào tạo nghề của họ hiện thấp hơn nhiều so với yêu cầu của các công việc, sản phẩm hay dịch vụ như vậy. Sự hạn chế này, cùng với khả năng cải thiện các điều kiện cơ bản hiện còn yếu kém ở nông thôn, đang làm hạn chế đáng kể sự hội nhập cũng như khả năng thụ hưởng của nông dân và gia đình họ đối

với các thành quả của công cuộc đổi mới những năm qua và có thể còn nhiều năm tới.

*đ) Quan hệ nông dân - đất đai đang thay đổi theo chiều hướng bất lợi cho người nông dân, xâm phạm lợi ích cơ bản, thiết yếu nhất của nông dân, là nguyên nhân cơ bản của những bất bình, phản ứng mạnh mẽ của nông dân*

Nông dân gắn với đất đai như là máu thịt, tới mức không gắn với đất đai để canh tác thì không còn được gọi là nông dân. Việt Nam hiện nay và trong nhiều năm nữa vẫn còn là nước nông nghiệp, nên nông dân vẫn là một lực lượng xã hội đông đảo, một giai cấp quan trọng. Do vậy, quan hệ nông dân - đất đai vẫn tiếp tục sẽ là mối quan tâm hàng đầu trong đường lối lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Trong khuôn khổ bài viết, ở đây chỉ đề cập dưới góc độ đất đai như là nhu cầu tối quan trọng mà việc đảm bảo thỏa mãn nhu cầu này như là điều kiện của lợi ích của nông dân và hiện nay đang là nguyên nhân chủ yếu, hàng đầu của các khiếu kiện đang ngày càng gia tăng ở hầu hết các địa phương trong cả nước.

Ở trên đã trình bày về những thiếu hụt trong nhận thức và những hệ lụy xấu làm ảnh hưởng tới lợi ích của nông dân, trong đó có thiếu hụt liên quan tới lợi ích về đất đai. Thực tế mất đất của nông dân ngày càng phổ biến cho đến nay vẫn chưa ngăn chặn được, thậm chí còn với các thủ đoạn tước đoạt ngày càng tinh vi, thô bạo hơn<sup>9</sup>, đã nói lên tình trạng nhu cầu của nông dân về đất đai hiện đang có những thay đổi lớn mà nguyên nhân bắt nguồn từ những xâm phạm tới lợi ích cơ bản, thiết yếu nhất của nông dân là đất đai. Những biểu hiện về sự thay đổi cần chú ý (như những vấn đề cần quan tâm) trong mối quan hệ nông dân - đất đai là:

9. Thí dụ như các phương tiện thông tin đại chúng trong những ngày cuối tháng 4 năm 2009 (chương trình Thời sự VTV ngày 28-04-2009) đưa tin các chủ dự án được cấp đất quy hoạch ở huyện Quốc Oai, Hà Tây cũ (nay thuộc Hà Nội) đã dùng thủ đoạn đổ đất đá xung quanh ruộng của một số hộ nông dân gây tình trạng không lấy được nước tưới ruộng để buộc họ phải bán đất.

- Sự suy giảm về mức độ gắn bó của nông dân với đất đai. Đây là vấn đề nghiêm trọng, bởi lẽ không có sự quan tâm, thiết tha với ruộng đất thì sẽ không có hiệu quả cao trong sử dụng đất đai, thậm chí tàn phá đất đai. Nông dân bỏ ruộng để tìm kiếm các công việc khác ở đô thị đang trở nên phổ biến ở nhiều địa phương phản ánh tình trạng này. Ngay cơ đang hiện diện và tăng dần ở nông thôn là lực lượng lao động trẻ, khỏe, thậm chí được đào tạo, có ý chí và năng động ít thiết tha gắn bó với nghề nông và lập nghiệp ở nông thôn; lực lượng lao động còn lại không những không phải là trẻ, khỏe, có trình độ đào tạo và tuy vẫn còn gắn bó và làm nghề nông nhưng chủ yếu là để duy trì "sự an toàn" cho cuộc sống của người ở lại và cả cho người đi kiếm sống nơi xa.

- Sự suy giảm về độ màu mỡ của đất đai và hệ lụy là suy giảm nguồn lực sinh tồn, phát triển chủ yếu, cơ bản đem lại lợi ích cho nông dân và suy giảm nguồn tạo ra giá trị gia tăng bền vững từ đất đai. Đây là vấn đề không kém phần nghiêm trọng so với sự suy giảm về mức độ gắn bó của nông dân với đất đai đã nói ở trên, mà thậm chí còn có tác động làm tăng thêm sự cộng hưởng tiêu cực trong tác động tới lợi ích của nông dân. Sự suy giảm này xuất phát từ cả hai phía: từ phía người nông dân buộc phải ráo riết thâm canh, bóc lột đất đai cho cuộc sống của gia đình và từ phía môi trường (đất, nước, không khí, ...) ngày càng bị ô nhiễm. Bộ NN&PTNT đã có cảnh báo về tình trạng môi trường ở nông thôn đang ở mức nghiêm trọng, nhất là ở những nơi có hoạt động công nghiệp<sup>10</sup>.

- Sự tấn công thô bạo mà không có sự bảo vệ thích đáng đối với người nông dân cùng với sự hấp dẫn to lớn của chính lực tấn công đó là công nghiệp hóa, đô thị hóa làm cho người nông dân và con em họ mất dần đi không chỉ nguồn lực phát triển của chính mình (phải bán đất) mà còn làm cho mối quan tâm của nông dân và con cái họ chủ yếu đang chuyển dần sang các hoạt động khác, không phải nghề nông.

Như vậy, từ những điều trình bày ở trên, có thể khái quát về lợi ích của nông dân hiện nay là: *từ đổi mới (1986) cho đến nay (2008) nông dân được thụ hưởng thành quả phát triển ít hơn* so với công sức và đóng góp của họ và so với các nhóm xã hội khác; *lợi ích của nông dân đang có xu hướng và nguy cơ suy giảm, thiếu bền vững* do nguồn lực phát triển của chính họ bị suy giảm, thiếu bền vững; *triển vọng cải thiện, tăng cường lợi ích của nông dân trong tầm nhìn trung hạn còn là hạn chế* do các cơ sở cần thiết cho sự cải thiện, tăng cường này đòi hỏi thời gian không phải là trung hạn.

Sự khái quát này (tuy chỉ là nhìn từ giác độ lợi ích) cho thấy cần có một quyết tâm cao, sự đồng thuận trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng đối với nông dân, với phương châm "nông dân là chủ thể, lợi ích của nông dân là mục tiêu cao nhất của mọi quyết định phát triển liên quan tới nông nghiệp và nông thôn".

Trên cơ sở các vấn đề và các thiếu hụt đã nêu ở trên, những thay đổi, điều chỉnh cần thiết liên quan tới chủ trương, quan điểm và chính sách về nông dân và lợi ích của nông dân trong giai đoạn phát triển mới ở nước ta nên được định hướng điều chỉnh và đổi mới như sau:

*- Nông dân là chủ thể và lợi ích của họ phải là môi quan tâm hàng đầu trong mọi quyết sách về phát triển.*

Nông dân, nông thôn, nông nghiệp có mối quan hệ khăng khít, hữu cơ với nhau. Trong bối cảnh và trong tầm nhìn dài hạn (ít ra đến năm 2020) của một đất nước vẫn còn phải dựa nhiều vào nông nghiệp thì mối quan hệ nông dân - nông thôn - nông nghiệp phải là một mối quan tâm thường trực hàng đầu của tất cả các cấp lãnh đạo và quản lý đất nước. Mối quan hệ này cần được đảm bảo không chỉ trong nội bộ và giữa các vấn đề này với

10. Cảnh báo được đưa ra tại Hội nghị Bảo vệ môi trường trong nông nghiệp, nông thôn do Bộ NN&PTNT tổ chức ngày 17-10-2008 tại Hà Nội.

nhau, mà còn cả trong quan hệ với các vấn đề khác. Trong mối quan hệ nông dân - nông thôn - nông nghiệp, nông dân là chủ thể và lợi ích của họ phải là mối quan tâm hàng đầu trong mọi quyết sách về phát triển; xây dựng và phát triển toàn diện, bền vững nông thôn mới là nền tảng để giải quyết vấn đề nông dân, nông thôn và nông nghiệp; phát triển nông nghiệp là điều kiện tiên quyết để đảm bảo lợi ích của nông dân và xây dựng nông thôn mới. Nhận thức và quan điểm này cần được quán triệt và thể hiện trong mọi quyết định về phát triển, nhất là các quyết định về phát triển công nghiệp, đô thị hiện đang được coi là không/ít tính đến, thậm chí có những quyết định còn xâm hại thô bạo tới lợi ích của nông dân và phát triển nông nghiệp, nông thôn.

*- Tăng cường và đảm bảo lợi ích của nông dân cần được coi như là sự thay đổi quan trọng trong nhận thức và lãnh đạo, quản lý xã hội trong giai đoạn phát triển mới.*

Sự thay đổi này thể hiện ở 2 khía cạnh sau: một là, trong giai đoạn phát triển mới, vấn đề không chỉ ở chỗ đảm bảo mà quan trọng hơn là tăng cường lợi ích của nông dân. Sự tăng cường này vừa là tất yếu và cấp bách vì cả lý do lợi ích của nông dân đang bị xâm phạm khá phổ biến ở nhiều nơi và vì cả lý do lợi ích của nông dân được thụ hưởng đang có xu hướng ngày càng doãng ra so với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội, tạo nên sự bất bình đẳng trong không chỉ về thu nhập mà còn cả về cơ hội, lợi ích. Hai là, trong bối cảnh đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới và khu vực, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có ý nghĩa và vai trò lớn hơn so với trước đây đối với sự ổn định xã hội, chính trị và do vậy, lợi ích (vật chất, tinh thần) của nông dân được tăng cường cũng có nghĩa là một điều kiện quan trọng, tiên quyết, trực tiếp cho sự đảm bảo và tăng cường ổn định xã hội, chính trị. Sự tăng cường này cần bắt đầu từ sự thay đổi một tư

duy có quan hệ mật thiết và trực tiếp tới lợi ích của nông dân là thay đổi tư duy về tích lũy từ nông nghiệp cho đầu tư phát triển xã hội sang xã hội đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

*- Mối quan hệ nông dân - đất đai cần được điều chỉnh theo hướng tạo điều kiện cho nông dân không chỉ thực hiện một cách đích thực vai trò "chủ đất" mà còn tham gia chủ động vào công cuộc phát triển đất nước bằng chính nguồn lực đích thực (đất đai, trí tuệ) của họ.*

Trong mối quan hệ nông dân - đất đai thì đất đai là máu thịt của nông dân, là lợi ích thiết thân của họ, nhưng hiện tại, theo các quy định pháp lý hiện hành và trên thực tế như đã nêu ở phần trước, họ (nông dân) mới chỉ là "người được giao" có thời hạn sử dụng với 7 quyền năng (chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê, chuyển đổi, cho và tặng, góp vốn) chứ chưa phải là người "chủ đất". Trong khi còn đang nghiên cứu hoàn thiện các quyền năng của "người được giao" đất, chúng tôi đề xuất sự điều chỉnh thông qua "vốn hóa" đất. Vốn hóa đất (chủ yếu là đất nông nghiệp) là làm cho đất trở thành tài sản kinh doanh có giá trị đối với người chủ đích thực. Việc thực hiện vốn hóa đất cần được dựa trên xác định cơ sở pháp lý cho người nông dân là người chủ sở hữu phần vốn hóa đất nông nghiệp mà họ được Nhà nước giao quyền sử dụng lâu dài./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết 26 của Ban CH TƯ Đảng (khóa X, ban hành tháng 6-2008) về "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn".
2. Nguyễn Văn Bích và Chu Tiến Quang, Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Nxb Sự thật, H. 1996.
3. Đầu tư phát triển kinh tế hộ. Nxb Lao động, H. 2006.
4. Tài liệu nghiên cứu của Đề tài nghiên cứu cấp nhà nước mã số KX.04.10/06-10 và của Hội đồng lý luận trung ương.